

Tên:

Từ vựng & Ngữ pháp:

Lớp: S3...

Nghe:

Ngày giao bài: Thứ..., ngày.../....

Mini test:

Ngày nộp bài: Thứ..., ngày.../....



ON THE FARM - VOCABULARY & FLYERS SPEAKING

A. VOCABULARY

❖ Farm

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	cow (n)	con bò	7	donkey (n)	con lừa
2	hen (n)	con gà mái	8	tractor (n)	máy kéo
3	rooster (n)	con gà trống	9	barn (n)	chuồng trại
4	pig (n)	con lợn	10	windmill (n)	cối xay gió
5	goose (n)	con ngỗng	11	crop (n)	mùa vụ
6	sheep (n)	con cừu	12	field (n)	cánh đồng

❖ Extra vocabulary

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	fur (n)	lông thú, bộ lông	4	make electricity (phr)	tạo ra điện
2	spin (v)	quay tròn	5	stone (n)	đá
3	frightening (adj)	đáng sợ			

* Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ; adj = adjective: tính từ; phr = phrase: cụm từ.

* Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vỏ ghi.

B. HOMEWORK

I. Reorder the letters to form suitable words. (Con hãy sắp xếp chữ cái thành từ đúng.)

0. E H N ⇔ HEN

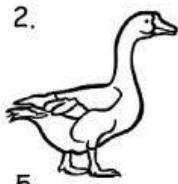
0.



1.

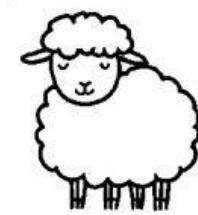


2.



1. O S O E R T R ⇔ _____

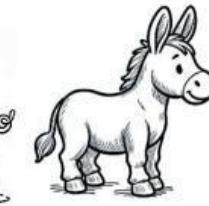
3.



4.



5.



2. O S O G E ⇔ _____

3. E P E H S ⇔ _____

4. I G P ⇔ _____

5. D N K O E Y ⇔ _____

II. Circle the correct answer for each question. (Khoanh tròn vào đáp án đúng cho mỗi câu hỏi.)

0. There are _____ cups in the kitchen.

A. some

B. little

C. A & B

1. The _____ makes electricity by using the power of the wind.
 - A. windmill
 - B. field
 - C. barn

2. I can hear the "mooing" sound of the _____ in the morning.
 - A. sheep
 - B. cow
 - C. hen

3. I am eating eggs from my farm. We have a lot of _____.
 - A. donkeys
 - B. roosters
 - C. hens

4. The pigs must go to their _____ after we feed them.
 - A. barn
 - B. tractor
 - C. crop

5. This rice _____ is so big.
 - A. crop
 - B. barn
 - C. windmill

III. Fill in the blanks with the words from the box. (Điền vào chỗ trống với từ vựng trong khung.)

pigs	tractor	sheep	field	windmill	rooster
------	---------	-------	--------------	----------	---------

It was an early morning on the farm. Jin visited the (0) field and saw the (1) _____ playing in the mud, next to the barn. The (2) _____ was spinning in the wind. His grandfather was driving their (3) _____ and his mother was taking the fur from the (4) _____. It was 6 a.m. and the (5) _____ was waking up the farm.

IV. Reorder the words/phrases to form suitable sentences.

(Sắp xếp lại các từ vựng/cụm từ để tạo thành câu phù hợp.)

0. still / He / sleeping. / is

→ He is still sleeping.

1. grass. / The cow / is eating

→ _____

2. around / is walking / the farm. / The rooster

→ _____

3. in the field? / playing / Are / the children

→ _____

4. the barn. / isn't / cleaning / The farmer

→ _____

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Các con nghe bài ở link này: https://soundcloud.com/ms-chi-english/flyers-1_test-3_part-3

Part 3

– 5 questions –

What did Mrs Green buy for each person?

Listen and write a letter in each box. There is one example.



Emma

B



Sally



Oliver



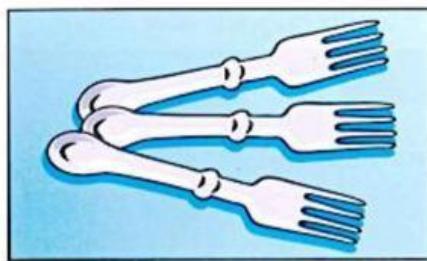
Michael



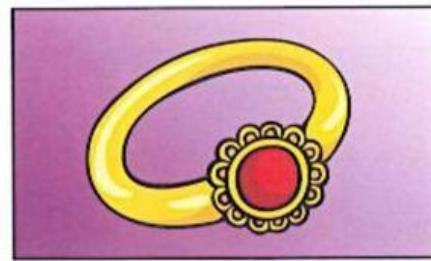
Kim



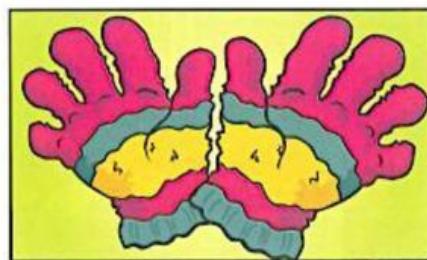
Jane



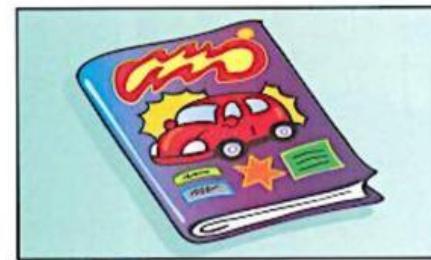
A



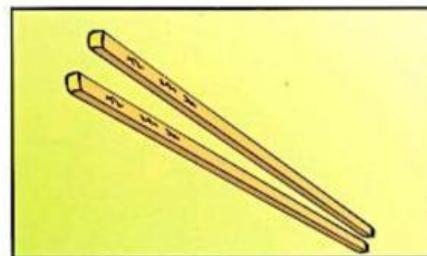
B



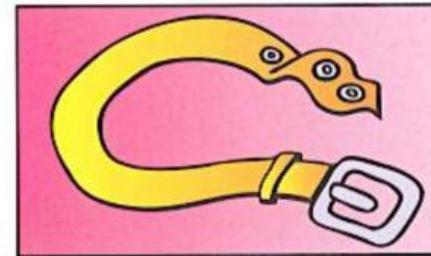
C



D



E



F



G



H